

Bản án số: 74/2018/DS-PT

Ngày: 11 - 4 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay và thực
hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2018/TLPT- DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay và thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2018/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn B , sinh năm 1957.

Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1963.

Cùng cư trú tại: Số nhà X, L, khóm Y, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà H : Ông Trương Minh K , sinh năm 1965 (Có mặt). Địa chỉ cư trú tại: Số nhà A, đường G, khóm X, phường Z, thành phố C , tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lý Hữu Qu (X), sinh năm 1965 (có mặt)

Bà Trần Lệ T , sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số X, đường N, Khóm X, Phường Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo:

1. Ông Trương Minh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H .

2. Bị đơn là ông Lý Hữu Qu , bà Trần Lệ T .

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C , tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trương Minh K là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông B và bà Nguyễn Thị H có chuyển nhượng diện tích đất 4.309m² cho ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T với giá 330.000.000 đồng vào ngày 21/6/2012, ông Qu thanh toán 130.000.000 đồng và còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2015 ông Qu làm biên nhận nợ Ông B 200.000.000 đồng và cam kết hàng tháng đóng lãi cho Ông B theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước. Ngày 29/01/2016 ông Qu tiếp tục vay của Ông B số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hạn không quá 01 năm trả nhưng sau đó ông Qu không thanh toán tiền vốn và lãi. Nay ông B, bà H yêu cầu ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T trả tiền mua đất còn nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi 2%/tháng từ 23/9/2015 đến nay là 104.000.000 đồng và khoản tiền vay 200.000.000 đồng, cùng với tiền lãi 2%/tháng từ ngày 29/01/2016 đến nay là 84.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 588.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 400.000.000 đồng và lãi 188.000.000 đồng). Ông Ký thừa nhận đã qua ông B và bà H có nhận của ông Qu tổng số tiền lãi là 122.000.000 đồng.

Ông Lý Hữu Qu trình bày: Trước đây ông có mua của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H một phần đất và còn nợ lại ông B và bà H 200.000.000 đồng, ông có làm biên nhận nợ ngày 23/9/2015 cho Ông B và thỏa thuận trả lãi theo lãi suất Ngân hàng. Sau đó, ông có vay thêm của ông B, bà H 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, ông có làm biên nhận ngày 29/01/2016 cho ông B. Đã qua vợ chồng ông đã thanh toán cho ông B, bà H 50.000.000 đồng vốn của số tiền vay ngày 29/01/2016, nên hiện nay ông thừa nhận còn nợ ông B, bà H số tiền mua đất là 200.000.000 đồng và tiền vay là 150.000.000 đồng, tổng cộng vốn còn nợ là 350.000.000 đồng. Đối với tiền lãi ông đã nộp lãi đủ từ khi làm biên nhận đến tháng 8/2017, số nợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông đã thanh toán tiền lãi cho ông B, bà H mỗi tháng 1.500.000 đồng và số tiền vay ông thanh toán tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng. Nay ông chỉ chấp nhận trả lãi từ tháng 8/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bà Trần Lệ T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Lý Hữu Qu, ngoài ra bà xác định hàng tháng vợ chồng bà có thanh toán tiền lãi đầy đủ cho ông B, bà H, hiện chỉ còn nợ lãi từ tháng 8/2017 đến nay. Ngoài ra vợ chồng bà đã thanh toán tiền vốn cho khoản vay được 50.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T hoàn trả cho ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H số tiền 398.847.998 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T trả số tiền lãi là 188.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/01/2018 ông Trương Minh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ

thẩm, đến ngày 22/02/2018 ông Ký có yêu cầu kháng cáo bổ sung, yêu cầu tính lãi của số tiền ông Qu và bà T nợ tiền mua đất 200.000.000 đồng, tính lãi từ khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng đất là ngày 21/6/2012 với lãi suất 2%/tháng và số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 29/01/2016 với lãi suất 2%/tháng. Tổng cộng vốn và lãi là 702.000.000 đồng, đối trừ với số tiền ông Qu trả lãi tổng cộng 122.000.000 đồng, còn lại yêu cầu trả 580.080.000 đồng.

Ngày 15/01/2018 bị đơn ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T có đơn kháng cáo yêu cầu điều chỉnh số tiền 200.000.000 đồng nợ tiền mua đất tính với lãi suất 0,75%/ tháng và số tiền vay 200.000.000 đồng tính lãi suất 2%/tháng, thời gian tính lãi tính từ ngày làm biên nhận đến tháng 8/2017. Đối trừ với số tiền đã trả 50.000.000 đồng vốn và số tiền lãi đã trả.

Ngày 25/01/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/01/2018 kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T trả cho ông Phạm Văn B , bà Nguyễn Thị H số tiền là 352.801.999 đồng và điều chỉnh lại phần án phí đương sự phải chịu theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K, ông Qu , bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền bị đơn nợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 200.000.000 đồng vào ngày 26/01/2012 và tính lãi suất 2%/tháng tính từ ngày 26/01/2012 đến ngày 26/01/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn được lập ngày 26/01/2012 với giá chuyển nhượng 330.000.000 đồng. Tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 130.000.000 đồng, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn 200.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2015 ông Qu đã làm biên nhận nợ cho ông B .

Tại hồ sơ thể hiện một biên nhận nợ vào ngày 23/9/2015 (BL 03) do nguyên đơn cung cấp. Ông Qu thừa nhận đã viết và ký tên vào biên nhận nợ ngày 23/9/2015, biên nhận thể hiện hàng tháng ông Qu đóng lãi cho ông B theo lãi suất Nhà nước. Tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận số tiền nợ 200.000.000 đồng được ông Qu làm biên nhận ngày 23/9/2015 mỗi tháng ông Qu nộp lãi cho nguyên đơn là 1.500.000 đồng.

Như vậy mức lãi suất mà nguyên đơn thống nhất cho ông Qu trả hàng tháng là 0,75 %/ tháng tương đương với 9%/ năm. Mức lãi suất này phù hợp với mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Quyết định số 2868/QĐ ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Do đó, hiện nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi 2%/tháng là không có cơ sở.

Xét thấy, bản án sơ thẩm tính lãi suất theo mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là không phù hợp, vì thời điểm các bên thỏa thuận việc vay và trả theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm các bên làm biên nhận nhưng tại thời điểm các bên thỏa thuận về lãi suất là trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, mức lãi suất được tính tại thời điểm ông Qu làm biên nhận cho Ông B là 9%/năm là phù hợp.

Về thời gian tính lãi, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu tính lãi từ ngày 26/01/2012 đến ngày 26/01/2018. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày ông Qu làm biên nhận là ngày 23/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó cấp sơ thẩm đã tính lãi cho ông Qu từ ngày 23/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/01/2018 là phù hợp. Tuy nhiên thời gian từ ngày 23/9/2015 đến ngày 02/01/2018 là 27 tháng 9 ngày, nhưng cấp sơ thẩm tính là 25 tháng 9 ngày là không chính xác. Vì vậy, cần điều chỉnh lại thời gian tính lãi cho phù hợp. Cụ thể $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/tháng \times 27 \text{ tháng} 9 \text{ ngày} = 40.950.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi từ ngày 26/01/2012 đến ngày 23/9/2015 do nguyên đơn không yêu cầu, cấp sơ thẩm không giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về số tiền lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng vào ngày 29/01/2016, nguyên đơn cho rằng nếu tính lãi đến ngày 29/01/2018 là 24 tháng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 2%/ tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Qu làm biên nhận vay tiền của nguyên đơn 200.000.000 đồng vào ngày 29/01/2016, nếu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/01/2018 là 23 tháng 3 ngày nhưng cấp sơ thẩm tính 11 tháng 3 ngày là không chính xác, do đó cần điều chỉnh lại thời gian tính lãi là 23 tháng 3 ngày.

Về số tiền lãi, mặc dù các bên có thỏa thuận theo biên nhận nợ là 2%/tháng nhưng mức lãi suất này là cao hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cấp sơ thẩm đã điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng là đúng.

Cụ thể số tiền vay $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 23 \text{ tháng} 3 \text{ ngày} = 76.692.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng hai khoản tiền vốn là 400.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản tiền lãi là 117.642.000 đồng (40.950.000 đồng + 76.692.000 đồng = 117.642.000 đồng).

Tổng cộng vốn và lãi là 517.642.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn cho rằng số tiền 200.000.000 đồng là tiền bị đơn nợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng

đất của nguyên đơn và đã được chuyển thành tiền vay từ ngày 23/9/2015, bị đơn đã nộp lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng, nộp đến tháng 8/2017. Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng vào ngày 29/01/2016 bị đơn đã nộp lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng, nộp lãi đến tháng 8/2017 và bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền vốn nhưng bị đơn không có giấy tờ và cũng không có chứng cứ chứng minh, hiện nay nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày này của bị đơn mà nguyên đơn chỉ thừa nhận đã nhận của bị đơn nhiều lần tiền lãi với tổng số tiền 122.000.000 đồng, do đó chấp nhận số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 122.000.000 đồng để trừ với tổng số tiền vốn và lãi buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là phù hợp. Cụ thể $517.642.000 \text{ đồng} - 122.000.000 \text{ đồng} = 395.642.000 \text{ đồng}$.

[3] Xét kháng nghị của của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức lãi suất của số tiền bị đơn nợ của nguyên đơn theo biên nhận nợ ngày 23/9/2015 mà bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn trả cho bị đơn theo mức lãi suất 1,66%/ tháng là không đúng, theo nhận định trên thì lãi suất được tính là 0,75%/ tháng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị Tòa án điều chỉnh lãi mức lãi suất là phù hợp được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên về thời gian tính lãi được tính từ ngày 23/9/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02/01/2018 là 25 tháng 9 ngày với số tiền lãi là 37.995.000 đồng là không chính xác vì thời gian tính lãi từ ngày 23/9/2015 đến ngày 02/01/2018 là 27 tháng 9 ngày, số tiền lãi được tính là 40.950.000 đồng.

Số tiền vay 200.000.000 đồng vào ngày 29/01/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 02/01/2018 là 23 tháng 3 ngày nhưng bản án sơ thẩm tính 11 tháng 3 ngày là không đúng, do đó Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận số tiền lãi của khoản tiền vay ngày 20/01/2016 là 36.851.000 đồng là không chính xác mà phải điều chỉnh lại với số tiền lãi là 76.692.000 đồng. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C về mức lãi suất, không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C về thời gian tính lãi suất.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận.

[7] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn, bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu kháng cáo của ông Trương Minh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H . Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị đơn là ông Lý Hữu Qu (X) và bà Trần Lệ T . Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố C , tỉnh Cà Mau.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 02/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C , tỉnh Cà Mau.

1. Buộc ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T trả cho ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 395.642.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T trả số tiền lãi là 184.438.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T phải nộp là 19.782.000 đồng (chưa nộp). Ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H phải nộp là 9.222.000 đồng, ngày 17/10/2017 ông B và bà H đã dự nộp 13.760.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003831 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, ông B và bà H được hoàn lại 4.538.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị H không phải chịu, đã qua ông Trương Minh K có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000242 ngày 15/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại. Ông Lý Hữu Qu và bà Trần Lệ T không phải chịu, ngày 25/01/2018 ông Qu và bà T đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0000290 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C ;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Bùi Thị Phương Loan